

# **KINH TẾ CHÍNH TRỊ (CÓ CHỌN LỌC)**

## **Mục lục:**

1. Lý luận của chủ nghĩa mác-lênin về hàng hóa sức lao động trong xã hội tư bản	2
2. Vận dụng hàng hóa sức lao động trong sự phát triển của thị trường lao động ở Việt Nam hiện nay:	3
3. Nội dung và tác dụng của quy luật giá trị trong nền sản xuất hàng hóa	4
4. Liên hệ với thực tiễn phát triển nền kinh về hàng hóa ở nước ta hiện nay	5
5. Những ưu thế của nền kinh tế thị trường:	5
6. Liên hệ với những ưu thế của nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN của Việt Nam được hiện nay	6
7. Tư bản bất biến và tư bản khả biến trong quá trình sản xuất tư bản	6
8. Ý nghĩa của việc phân chia hai hình thức tư bản bất biến và tư bản khả biến	7
9. Đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	7
10. Phân tích hai thuộc tính của hàng hóa. Đề xuất giải pháp để nâng cao giá cả nông sản xuất khẩu của việt nam	9
11. Phân tích tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa . Ý nghĩa của việc phát hiện này đối với việc xây dựng lý luận giá trị lao động	10
12. Phân tích lượng giá trị hàng hóa và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa. Ý nghĩa của nhân tố ảnh hưởng đối với năng lực cạnh tranh của hàng hóa việt nam trên thị trường thế giới	12
13. Phân tích lý luận hàng hóa sức lao động. Đề xuất giải pháp để nâng cao giá cả của hàng hóa sức lao động ở nc ta hiện nay	15
14. Phân tích ưu thế và khuyết tật của nền kinh tế thị trường. Đề xuất những biện pháp để phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở địa phương	18
15. Nội dung và tác dụng của quy luật giá trị trong nền sản xuất hàng hóa. Liên hệ với thực tiễn phát triển nền kinh tế hàng hóa ở nước ta hiện nay	20
16. Phân tích tư bản bất biến và tư bản khả biến trong quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa. Ý nghĩa	22
17. Phân tích vai trò tích cực và những giới hạn phát triển của chủ nghĩa tư bản để làm rõ nhận định trên. Anh chị hiểu như nào về con đường đi lên của nước ta là quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa	23

18. Phân tích đặc trưng nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa việt nam. Liên hệ thực tiễn \_\_\_\_\_ 25
19. Phân tích tính tất yếu của công nghiệp hóa hiện đại hóa ở việt nam. Liên hệ những thành tựu trong công cuộc công nghiệp hóa ,hiện đại hóa ở nước ta hiện nay \_\_\_\_\_ 26
20. Vai trò của cách mạng công nghiệp đối với phát triển xã B.sv cần làm gì để xây dựng và phát triển đất nước \_\_\_\_\_ 29

### **1. Lý luận của chủ nghĩa mác-lênin về hàng hóa sức lao động trong xã hội tư bản**

“Việt Nam là một trong những quốc đứng đầu thế giới về quy mô xuất khẩu nông sản với nhiều loại mặt hàng như gạo, điều, cà phê, thủy sản,... Tuy nhiên, có đến 90% nông sản của Việt Nam vẫn xuất khẩu dưới dạng thô hoặc với hàm lượng chế biến còn hạn chế, chất lượng và giá trị xuất thấp hơn các sản phẩm cùng loại của nhiều nước khác”.

-Sức lao động: C.Mác viết: “Sức lao động hay năng lực lao động là toàn bộ những năng lực thể chất và tinh thần tồn tại trong cơ thể, trong một cơ người đang sống và được gửi đến đem ra vận dụng mỗi khi sản xuất ra một giá trị sử dụng nào đó”.

- Hai điều kiện để sức lao động trở thành hàng hóa:

+*Một* là, người lao động được tự do về thân thể

+*Hai* là, người lao động không có đủ các tư liệu sản xuất cần thiết để tự kết hợp với sức lao động của mình tạo ra hàng hóa để bán, cho nên họ phải bán sức lao động.

**\*Thuộc tính của hàng hóa:** hàng hóa slđ có 2 thuộc tính gồm: giá trị và giá trị sử dụng

- Giá trị của hàng hóa sức lao động cũng do thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất và tái sản xuất sức lao động quyết định.

- Xét về cấu thành, do hàng hóa sức lao động tồn tại trong con người đang sống, nên để sống và tái sản xuất sức lao động, người lao động phải tiêu dùng lượng tư liệu sinh hoạt nhất định.

- Do vậy, thời gian lao động xã hội cần thiết để tái sản xuất ra sức lao động sẽ được quy thành thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt mà người lao động tiêu dùng. Tức là, về cách tính, giá trị của hàng hóa sức lao động được đo lường gián tiếp thông qua lượng giá trị của các tư liệu sinh hoạt để tái sản xuất ra sức lao động. Cho nên, cấu thành giá trị của hàng hóa sức lao động sẽ bao gồm:

+*Một* là, giá trị tư liệu sinh hoạt cần thiết (cả vật chất, tinh thần) để tái sản xuất ra sức lao động;

+*Hai* là, phí tổn đào tạo người lao động;

+Ba là, giá trị những tư liệu sinh hoạt cần thiết (vật chất và tinh thần) nuôi con của người lao động.

- Nếu đúng theo nguyên tắc ngang giá trong nền kinh tế thị trường thì giá cả của hàng hóa sức lao động phải phản ánh lượng giá trị nêu trên.

- Giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động cũng là để thỏa mãn nhu cầu của người mua.

-Khác với nhu cầu thông thường, khi sử dụng hàng hóa sức lao động, người mua hàng hóa sức lao động mong muốn thỏa mãn nhu cầu có được giá trị lớn hơn, giá trị tăng thêm.

-Hàng hóa sức lao động là loại hàng hóa đặc biệt, nó mang yếu tố tinh thần và lịch sử. Hơn thế, giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động có tính năng đặc biệt mà không hàng hóa thông thường nào có được, đó là trong khi sử dụng nó, không những giá trị của nó được bảo tồn mà tạo ra được lượng giá trị lớn hơn. Đây chính là chìa khóa chỉ rõ nguồn gốc của giá trị lớn hơn nêu trên do đâu mà có.

-C.Mác khẳng định, nguồn gốc của giá trị thặng dư là do hao phí sức lao động mà có.

## **2. Vận dụng hàng hóa sức lao động trong sự phát triển của thị trường lao động ở**

### **Việt Nam hiện nay:**

-Trong lý luận hàng hóa sức lao động có thể thấy thị trường si lao động với quan hệ cung cầu về lao động và giá cả hàng hóa sức lao động chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố như quy luật cạnh tranh, quy luật cung cầu

-Khi vận dụng lý luận hàng hóa sức lao động phải phù hợp với quá trình hội nhập quốc tế và xu hướng phát triển của nền kinh tế tri thức. Tôn trọng nhân cách, phát huy vai trò làm chủ, năng động sáng tạo, tinh thần yêu nước, yêu dân tộc của người lao động. Vận dụng lý luận hàng hóa sức lao động phải gắn liền với việc hình thành đội ngũ lao động có trình độ và cơ cấu hợp lý đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.

-Đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ tay nghề tay nghề về mọi mặt của người lao động, tạo cho họ những khả năng lao động tự giác và sáng tạo đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước. Tổ chức tốt việc đào tạo, bồi dưỡng tại trường tại chức và nhiều hình thức phương pháp khác để nâng cao tay nghề, mở rộng đào tạo nghề bởi đường nhiều người giỏi về khoa học công nghệ kinh doanh, về quản lý kinh tế - xã hội. Trước mặt còn giáo dục mọi người yêu quý lao động, yêu quý nghề nghiệp, lao động có kỷ luật, chống mọi thời xấu lười biếng ỷ lại, khuyến khích và tạo điều kiện cho mọi người tự tìm tòi, tự tạo việc làm cho mình và cho người khác.

-Cần phải chú trọng công tác chăm lo cho các nhu cầu vật và tinh thần cho công nhân và gia đình họ vị khi làm tốt vấn đề này thì người công nhân mới toàn tâm toàn ý cho công việc. Chú trọng về chính sách tiền lương tạo các khu vui chơi giải trí có chất lượng và hoạt động có hiệu quả tổ chức nhiều hơn nữa các hoạt động đoàn thể cho công nhân

-Thúc đẩy giao dịch trên thị trường họ động bằng các hình thức như phát triển hệ thống thông tin, giới thiệu việc làm, tăng cường quản lý của nhà nước. cũng có và tăng cao chất lượng hoạt động

của các doanh nghiệp xuất khẩu lao động, hoàn thiện hệ thống pháp luật về thị trường lao động, hoàn thiện bố phá quan là và vận hành họ có hiệu quả. Thay đổi cơ cấu lao động, hạn chế thành phần lao động ở lĩnh vực nông nghiệp.

### **3. Nội dung và tác dụng của quy luật giá trị trong nền sản xuất hàng hóa**

**\*Khái niệm:** Quy luật giá trị là quy luật kinh tế cơ bản của sản xuất và trao đổi hàng hoá, là yêu cầu khách quan trong sản xuất hàng hoá, ở đâu có sản xuất và trao đổi hàng hoá thì ở đó quy luật giá trị phát sinh và phát huy tác dụng.

**\*Nội dung quy luật giá trị:** Sản xuất và trao đổi hàng hoá phải dựa trên cơ sở hao phí lao động xã hội cần thiết và trao đổi phải theo nguyên tắc ngang giá. Nội dung quy luật nói lên:

- + Mọi người sản xuất hàng hóa phải được thực hiện theo hao phí lao động xã hội cần thiết.
- + Trong trao đổi phải theo nguyên tắc ngang giá, nghĩa là giá cả phải trên cơ sở giá trị, một lượng giá trị bằng nhau thì có thể trao đổi được cho nhau. Đó chính là yêu cầu của giá trị

#### **\*Tác dụng của quy luật:**

-Tự phát điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hoá.

+ Điều tiết sản xuất là sự dịch chuyển TLSX và SLĐ từ ngành này sang ngành khác, làm cho quy mô sản xuất của ngành này bị thu hẹp, ngành khác được mở rộng. Quá trình đó diễn ra một cách tự phát dưới tác động của quy luật giá trị như sau:

Nếu một mặt hàng nào đó có cung < cầu -> giá bán > giá trị, người sản xuất thu lãi nhiều, người sản xuất sẽ mở rộng quy mô sản xuất, mặt khác, những người sản xuất ở ngành khác thấy có lợi sẽ dịch chuyển đầu tư sang sản xuất ở ngành đó.

Cung > cầu, sản phẩm tạo ra quá nhiều-> giá bán< giá trị, sản xuất không có lãi, buộc người SX phải ngừng hoặc giảm sản xuất.

Cung cầu tập thời cân bằng, giá cả = giá trị. Trên mặt kinh tế người ta gọi là “bảo hoà”.=> Sự tác động trên của quy luật giá trị tự phát dẫn đến sự di chuyển SLĐ và TLSX vào sản xuất những mặt hàng có lãi.

+ Điều tiết lưu thông là sự dịch chuyển hàng hoá từ nơi này đến nơi khác (từ nơi có giá bán thấp đến nơi có giá bán hơn cao, từ nơi dư thừa đến nơi khan hiếm).

=> Như vậy, quy luật giá trị đã có tác động tự phát điều tiết sản xuất và lưu thông, làm cân bằng mức cung - cầu hàng hoá và ổn định giá cả thị trường.

- Kích thích cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ, hợp lý hóa sản xuất làm tăng NSLĐ.

+ HH được sản xuất ra trong những điều kiện khác nhau thì có giá trị cá biệt khác nhau, trong khi trao đổi HH lại luôn dựa trên giá trị xã hội của HH

+ Để giành ưu thế trong cạnh tranh và thu được nhiều lợi nhuận... chỉ có cách cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ, hợp lý hóa sản xuất, tăng NSLĐ.

+ Việc làm này lúc đầu diễn ra ở một số cơ sở sản xuất sau toàn XH nhưng sau đó lan rộng ra toàn xã hội.

- Phân hóa giàu – nghèo giữa những người sản xuất, làm tự phát nảy sinh quan hệ sản xuất TBCN.

+ Do điều kiện sản xuất khác nhau, trình độ tay nghề khác nhau, trình độ tổ chức sản xuất khác nhau, ... dẫn tới giá trị cá biệt của hàng hoá do các chủ thể khác nhau tạo ra là khác nhau, có thể thấp hơn hay cao hơn giá trị xã hội của hàng hoá đó.

+ Kết quả là luôn có một bộ phận người SX làm ăn có lãi, ngày càng giàu lên; trái lại, một bộ phận người sản xuất làm ăn thua lỗ...

+ Người bị mất TLSX chỉ còn cách đi làm thuê để duy trì cuộc sống, trong khi người làm ăn có lãi lại có nhu cầu mở rộng sản xuất để thu lợi nhiều hơn nữa, họ sẵn sàng mua thêm TLSX và thuê người khác làm việc cho mình. Đây chính là quan hệ sản xuất TBCN.

=> Như vậy, QHSX TBCN đã ra đời một cách tự phát trong quá trình vận động và phát triển của SXHH giản đơn, dưới tác động của quy luật giá trị. Tuy nhiên quá trình này diễn ra rất chậm chạp. Thực tiễn trong lịch sử, QHSX TBCN đã ra đời nhanh chóng ở Tây Âu và Nhật Bản nhờ quá trình tích lũy nguyên thủy tư bản. Đây là quá trình giai cấp thống trị sử dụng bạo lực để tước đoạt TLSX của những người sản xuất nhỏ và biến họ thành những người làm thuê.

#### **4. Liên hệ với thực tiễn phát triển nền kinh tế hàng hóa ở nước ta hiện nay**

Tại Việt Nam hiện nay hàng giả hàng nhái ngày càng tăng và len lỏi vào khắp các nơi tiêu thụ một cách công khai. Liên hệ quy luật giá trị với thực tiễn phát triển nền kinh tế hàng hóa ở nước ta hiện nay. Đối với mỗi quốc gia hiện nay thì sản xuất hàng hóa luôn luôn giữ vai trò quan trọng, đây là một trong những hoạt động có ý nghĩa quyết định đến sự phát triển của mỗi quốc gia. Sản xuất hàng hóa thúc đẩy sự phát triển của phân công lao động, phát triển chuyên môn hóa, tạo điều kiện so sánh của mỗi vùng mỗi đơn vị sản xuất cải tiến kỹ thuật nâng cao trình độ sản xuất mở rộng phạm vi sản xuất thúc đẩy SX phát triển. SXHH còn làm cho quá trình giao lưu kinh tế giữa các địa phương vùng miền các nước ngày càng phát triển đời sống vật chất tinh thần được nâng cao...

#### **5. Những ưu thế của nền kinh tế thị trường:**

-Ưu thế:

Một là, nền kinh tế thị trường luôn tạo ra động lực mạnh mẽ cho sự hình thành ý tưởng mới của các chủ thể kinh tế.

Thông qua vai trò của thị trường mà nền kinh tế thị trường trở thành phương thức hữu hiệu kích thích sự sáng tạo trong hoạt động của các chủ thể kinh tế, tạo hoạt động thuận lợi cho hoạt động tự do của họ, qua đó, thúc đẩy năng suất lao động, tăng hiệu quả sản xuất, làm cho nền kinh tế hoạt động năng động hiệu quả. Tạo ra môi trường rộng mở cho các mô hình kinh doanh mới theo đà phát triển xã hội

Ví dụ: Trong mùa dịch COVID người dân có nhu cầu lớn về khẩu trang và nước rửa tay, điều này đã tạo động lực, thúc đẩy cho các nhà kinh tế sản xuất ra lượng lớn khẩu trang nước rửa tay phục vụ nhu cầu con người.

Hai là, nền kinh tế thị trường luôn thực hiện phát huy tốt nhất tiềm năng của một chủ thể, các vùng miền cũng như lợi thế quốc gia trong quan hệ với thế giới.

Trong nền kinh tế thị trường, mọi tiềm năng, lợi thế đều có thể được phát huy, đều có thể trở thành lợi ích đóng góp cho xã hội. Thông qua vai trò gắn kết của thị trường mà nền kinh tế thị trường trở thành phương thức hiệu quả hơn hẳn so với nền kinh tế tự cấp tự túc để phát huy tiềm năng, lợi thế từng thành viên, từng vùng miền trong quốc gia của từng quốc gia trong quan hệ với thế giới.

Ví dụ: Việt Nam là một nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới. Ở VN có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển sản xuất lúa như khí hậu, đất đai, truyền thống lâu đời... Cùng với đó là sự hội nhập quốc tế tăng cường hợp tác với các nước trong khu vực và trên thế giới đã thúc đẩy mạnh mẽ nền kinh tế trao đổi hàng hóa giúp lúa gạo VN không chỉ tiêu thụ trong nước mà còn xuất khẩu ra các nước trên thế giới.

Ba là, nền kinh tế thị trường luôn tạo ra các phương thức để thỏa mãn tốt nhất nhu cầu con người, từ đó thúc đẩy tiến bộ, văn minh xã hội. Nền kinh tế thị trường với sự tác động của các quy luật thị trường luôn tạo ra sự phù hợp giữa khối lượng, cơ cấu sản xuất với khối lượng, cơ cấu nhu cầu tiêu dùng của xã hội. Nhờ đó nhu cầu tiêu dùng về các hàng hóa, dịch vụ khác nhau được đáp ứng kịp thời, người tiêu dùng được thỏa mãn nhu cầu cũng như được đáp ứng đầy đủ mọi loại hàng hóa, dịch vụ.

Ví dụ: Trước đây ở VN các sản phẩm (gạo, đường, xi măng...) luôn phải được nhập khẩu thì nay sản xuất nội địa đã đảm bảo nhu cầu trong nước và khả năng xuất khẩu. quan hệ cung cầu hàng hóa trên thị trường chuyển từ thiếu hụt sang dư thừa. Và khi nhu cầu con người ngày càng cao thì các nhà sản xuất đòi hỏi phải luôn tạo ra ý tưởng mới độc đáo, sáng tạo, chất lượng cao, giá thành hợp lý nhằm đem đến các lợi ích tốt nhất cho cả người tiêu dùng và nhà sản xuất hàng hóa.

## **6. Liên hệ với những ưu thế của nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN của Việt Nam được hiện nay**

## **7. Tư bản bất biến và tư bản khả biến trong quá trình sản xuất tư bản**

Theo C.Mac: Bản chất của tư bản là giá trị đem lại giá trị thặng dư, nó phản ánh quan hệ sản xuất xã hội mà trong đó giai cấp tư sản chiếm đoạt giá trị thặng dư do giai cấp công nhân tạo ra.

-Tư bản bất biến là bộ phận tư bản tồn tại dưới hình thái tư liệu sản xuất mà giá trị được lao động cụ thể của công nhân làm thuê bảo tồn và chuyển nguyên vẹn vào giá trị sản phẩm, tức là giá trị không biến đổi trong quá trình sản xuất (ký hiệu là c).

+Tư bản bất biến không tạo ra giá trị thặng dư nhưng là điều kiện cần thiết để cho quá trình tạo ra giá trị thặng dư được diễn ra. Máy móc, nguyên nhiên vật liệu là điều kiện để cho quá trình làm

tăng giá trị được diễn ra. Không có máy móc, không có quá trình tổ chức kinh doanh thì đương nhiên không có quá trình sản xuất giá trị thặng dư.

+Ngày nay máy móc được tự động hóa như người máy, thì người máy cũng chỉ có vai trò là máy móc, chừng nào việc sử dụng sức lao động còn có lợi hơn cho người mua hàng hóa sức lao động so với sử dụng người máy, thì chứng đó nhà tư bản còn sử dụng sức lao động sống của người bán sức lao động làm thuê.

+Tuy nhiên, cần lưu ý, việc ứng dụng thiết bị công nghệ tiên tiến vào trong sản xuất là tiền đề để tăng năng suất lao động xã hội, do đó, máy móc, công nghệ tiên tiến rất cần thiết cho quá trình làm tăng giá trị.

-Tư bản khả biến là bộ phận tư bản tồn tại dưới hình thái sức lao động không tái hiện ra, nhưng thông qua lao động trừu tượng của công nhân mà tăng lên, tức biến đổi về số lượng trong quá trình sản xuất (ký hiệu là  $v$ ).

+Bộ phận tư bản biến thành sức lao động thì khác. Giá trị của nó được chuyển cho công nhân làm thuê, biến thành tư liệu sinh hoạt cần thiết và mất đi trong quá trình sản xuất sức lao động của công nhân làm thuê. Tuy nhiên, trong quá trình sản xuất, công nhân làm thuê bằng lao động trừu tượng tạo ra giá trị mới với lượng lớn hơn giá trị sức lao động.

-Như vậy, đến đây, nếu gọi  $G$  là giá trị hàng hóa thì có thể công thức hóa về giá trị hàng hóa thì có thể công thức hóa về giá trị hàng hóa dưới dạng như sau:  $G = c + (v+m)$

Trong đó:  $(v+m)$  là giá trị mới của hàng hóa, do hao phí lao động sống tạo ra;  $c$  là giá trị của những tư liệu sản xuất đã được tiêu dùng, là bộ phận lao động quá khứ đã được kết tinh trong máy móc, nguyên nhiên vật liệu. Bộ phận này được lao động sống chuyển vào giá trị sản phẩm mới. Thông qua việc bán hàng hóa sức lao động, người lao động được trả tiền công

## **8. Ý nghĩa của việc phân chia hai hình thức tư bản bất biến và tư bản khả biến**

- Việc phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến vạch rõ nguồn gốc của giá trị thặng dư là do lao động làm thuê của công nhân tạo ra và bị nhà tư bản chiếm không.

- Hiện nay, giai cấp tư sản sử dụng máy móc hiện đại tự động hóa quá trình sản xuất đối với một số sản phẩm. Trong điều kiện sản xuất như vậy, tư bản bất biến có vai trò quan trọng quyết định việc tăng năng suất lao động, nhưng cũng không thể coi đó là nguồn gốc của giá trị thặng dư. Suy đến cùng, bộ phận tư bản khả biến tồn tại dưới hình thức sức lao động (chân tay và trí óc) mới là nguồn gốc sinh ra giá trị thặng dư TBCN.

## **9. Đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam**

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế vận hành theo các quy luật của thị trường, đồng thời góp phần hướng tới từng bước xác lập một xã hội mà ở đó dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, có sự điều tiết của Nhà nước do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo



- **Về mục tiêu:** Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là phương thức để phát triển lực lượng sản xuất nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”

**Ví dụ:** Với nền kinh tế thị trường tư bản ở Mỹ, họ sẽ tập trung đầu tư các thành phố lớn, phát triển thành phố đó, còn nước ta thì lại đầu tư ở các tỉnh nông thôn chưa phát triển để quá trình đô thị hoá tiến đến phát triển các tỉnh ở nông thôn, cân bằng để phát triển cả nước.

- **Về quan hệ sở hữu và thành phần kinh tế:** Nền kinh tế có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng, kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể cùng với kinh tế tư nhân là nòng cốt để phát triển một nền kinh tế độc lập tự chủ

**Ví dụ:** Hiện nay có những tác giả đã có cách nhìn cực đoan về sở hữu ở các nước: họ cho rằng ở các nước phương Tây-TBCN, dựa vào sở hữu tư nhân, ở nước ta dựa vào chế độ công hữu và cho rằng nền kinh tế ở nước ta không phải là nền kinh tế thị trường.

- **Về quan hệ quản lý nền kinh tế:** Nhà nước quản lý và thực hành cơ chế quản lý là nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản làm chủ.

**Ví dụ:** Hoạt động đầu tư xây dựng và khai thác các công trình hạ tầng giao thông, thủy lợi ở nông thôn, đầu tư cải tạo một vùng đất hoang.

- **Về quan hệ phân phối:** Thực hiện phân phối công bằng các yếu tố sản xuất, tiếp cận và sử dụng các cơ hội và điều kiện phát triển của mọi chủ thể kinh tế ( phân phối đầu vào ) đồng thời phân phối kết quả làm ra ( đầu ra ) chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua hệ thống an ninh, xã hội.

**Ví dụ:** Trong trường hợp nhà nước quy định mức thuế quá cao. Phân phối là một mặt của quan hệ sản xuất do quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất quyết định.

- **Về quan hệ giữa gắn tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội:** Đây là đặc trưng phản ánh thuộc tính quan trọng mang tính định hướng XHCN nền kinh tế thị trường ở Việt Nam. Bởi tiến bộ và công bằng xã hội vừa là điều kiện bảo đảm cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế, vừa là mục tiêu thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ XHCN mà chúng ta phải hiện thực hoá từng bước trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

**Ví dụ:** Hiện nay, so với 177 quốc gia và vùng kinh tế trên thế giới, tuy GDP/ đầu người của Việt Nam xếp thứ 122, nhưng các chỉ số xã hội quan trọng đều ở vị trí khá cao: HDI thứ 105, tuổi thọ thứ 56, trình độ học vấn thứ 57.

## **Kết luận**

Như vậy, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là sự kết hợp những mặt tích cực, ưu điểm của kinh tế thị trường với bản chất ưu việt của chủ nghĩa xã hội để hướng tới một nền kinh tế thị trường hiện đại, văn minh. Tuy nhiên, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa xã



hội ở Việt Nam đang trong quá trình hình thành và phát triển tất sẽ còn bộc lộ nhiều yếu kém cần phải khắc phục và hoàn thiện.

## **10. Phân tích hai thuộc tính của hàng hóa. Đề xuất giải pháp để nâng cao giá cả nông sản xuất khẩu của Việt Nam**

### 1. Khái niệm hàng hóa:

Theo quan điểm của C.Mác hàng hóa là sản phẩm của lao động, có thể thỏa mãn một nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi, mua bán

Hàng hóa được phân thành hai loại:

Hàng hóa hữu hình: lương thực, quần áo, tư liệu sản xuất...

Hàng hóa vô hình (hàng hóa dịch vụ): dịch vụ vận tải, dịch vụ chữa bệnh...

### 2. Nội dung hai thuộc tính của hàng hóa

#### *Giá trị sử dụng*

Giá trị sử dụng của hàng hóa là công cụ của vật phẩm, có thể thỏa mãn một nhu cầu nào đó của con người; nhu cầu đó có thể là nhu cầu vật chất hoặc nhu cầu tinh; cũng có thể là nhu cầu cho tiêu dùng cá nhân, có thể là nhu cầu tiêu dùng cho sản xuất.

Giá trị sử dụng của hàng hóa do thuộc tính tự nhiên của yếu tố tham gia cấu thành nên hàng hóa đó quy định. Nền sản xuất càng phát triển, khoa học, công nghệ càng tiên tiến, càng giúp cho con người phát hiện ra nhiều và phong phú các giá trị sử dụng của hàng hóa khác nhau.

Giá trị sử dụng của hàng hóa là giá trị sử dụng nhằm đáp ứng yêu cầu của người mua. Cho nên, nếu là người sản xuất, tất yếu phải chú ý chăm lo giá trị sử dụng của hàng hóa do mình sản xuất ra sao cho ngày càng đáp ứng nhu cầu khắt khe và tinh tế hơn của người mua.

Ví dụ: Giá trị sử dụng của gạo là để ăn

#### *Giá trị*

Theo C.Mác, giá trị của hàng hóa là lao động của người sản xuất ra hàng hóa kết tinh trong hàng hóa ấy.

Để lý giải rõ khái niệm này, C.Mác đặt vấn đề, tại sao giữa các hàng hóa có giá trị sử dụng khác nhau lại trao đổi được với nhau?. Mối quan hệ tỷ lệ về lượng giữa các giá trị sử dụng khác nhau được C.Mác gọi là giá trị trao đổi.

C.Mác cho rằng, sở dĩ các hàng hóa trao đổi được với nhau là vì chúng có một điểm chung. Điểm chung đó ở chỗ, chúng đều là kết quả của sự hao phí sức lao động. Tức là hàng hóa có giá trị. Khi là hàng hóa, dù khác nhau về giá trị sử dụng, chúng đều là kết quả của sự hao phí sức lao động của người sản xuất ra hàng hóa ấy, nên hàng hóa có giá trị.

Mặt khác, khi đã đề cập tới hàng hóa, có nghĩa là phải đặc sản phẩm của lao động ấy trong mối liên hệ với người mua, người bán, trong quan hệ xã hội. Do đó, lao động hao phí để sản xuất ra hàng hóa mang tính xã hội, tức hàm ý quan hệ giữa người bán với người mua, hàm ý trong quan hệ xã hội. Trên cơ sở đó, C.Mác quan niệm đầy đủ hơn: *Giá trị của hàng hóa là lao động xã hội của người sản xuất đã hao phí để sản xuất ra hàng hóa kết tinh trong hàng hóa ấy*

Như vậy, bản chất của giá trị là lao động xã hội của người sản xuất kết tinh trong hàng hóa. Giá trị hàng hóa biểu hiện mối quan hệ kinh tế giữa những người sản xuất, trao đổi hàng hóa và là phạm trù có tính lịch sử. Khi nào có sản xuất và trao đổi hàng hóa khi đó có phạm trù giá trị hàng hóa. Giá trị trao đổi là hình thức biểu hiện ra bên ngoài của giá trị, giá trị là nội dung là cơ sở của trao đổi.

Ví dụ: Giả sử 1m vải = 5kg thóc

Tức là 1m vải có giá trị trao đổi bằng 5kg thóc.

B/

- Ứng dụng khoa học, công nghệ vào quá trình sản xuất
- Đẩy mạnh hỗ trợ xúc tiến đầu tư và xây dựng thương hiệu đối với hàng nông sản xuất khẩu - Đẩy mạnh hỗ trợ xúc tiến đầu tư và xây dựng thương hiệu đối với hàng nông sản xuất khẩu - Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư vào phát triển sản xuất hàng nông sản xuất khẩu chủ lực trên địa bàn Tỉnh
- Tuyên truyền, hướng dẫn và đào tạo cho nông dân kiến thức, kỹ thuật, quy trình trồng, chăm sóc các sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao để xuất khẩu vào nhiều thị trường, đặc biệt là các thị trường cao cấp.
- Chú trọng lựa chọn những sản phẩm nông sản mà Việt Nam có lợi thế so sánh và thế giới có nhu cầu cao để chuyển dịch cơ cấu sản xuất và xuất khẩu.

## **11. Phân tích tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa . Ý nghĩa của việc phát hiện này đối với việc xây dựng lý luận giá trị lao động**

Tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa

Nghiên cứu về mối quan hệ giữa hai thuộc tính của hàng hóa với lao động sản xuất hàng hóa, C.Mác phát hiện ra rằng, sở dĩ hàng hóa có hai thuộc tính là do lao động của người sản xuất hàng hóa có tính hai mặt. Tính hai mặt đó là: mặt cụ thể và mặt trừu tượng của lao động.

- Lao động cụ thể là lao động có ích dưới một hình thức cụ thể của những nghề nghiệp chuyên môn nhất định. Mỗi lao động cụ thể có mục đích lao động riêng, đối tượng lao động riêng, kết quả lao động riêng. Lao động cụ thể tạo ra giá trị sử dụng của hàng hóa. Các loại lao động cụ thể khác nhau về chất nên tạo ra những sản phẩm cũng khác nhau về chất và mỗi sản phẩm có một giá trị sử dụng riêng. Trong đời sống xã hội, có vô số những hàng hóa với những giá trị sử dụng khác nhau do lao động cụ

thể đa dạng, muôn hình muôn vẻ tạo nên. Phân công lao động xã hội càng phát triển thì xã hội càng nhiều ngành nghề khác nhau, do đó có nhiều giá trị sử dụng khác nhau. Khoa học kỹ thuật, phân công lao động càng phát triển thì các hình thức lao động cụ thể càng phong phú, đa dạng.

- Lao động trừu tượng là lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa không kể đến hình thức cụ thể của nó; đó là sự hao phí sức lao động nói chung của người sản xuất hàng hóa về cơ bắp, thần kinh, trí óc. Lao động trừu tượng là tạo ra giá trị hàng hóa.

Vì vậy, giá trị hàng hóa là lao động trừu tượng của người sản xuất kết tinh trong hàng hóa. Lao động trừu tượng là cơ sở để so sánh, trao đổi các giá trị sử dụng khác nhau.

Trước C.Mác, D.Ricardo cũng đã thấy được các thuộc tính của hàng hóa.

Nhưng D.Ricardo lại không thể lý giải thích được vì sao lại có hai thuộc tính đó. Vượt lên so với lý luận của D.Ricardo, C Mác phát hiện cùng một hoạt động nhưng hoạt động đó có tính hai mặt. C.Mác là người đầu tiên phát hiện ra tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa. Phát hiện này là cơ sở để C.Mác phân tích một cách khoa học sự sản xuất giá trị thặng dư sẽ được nghiên cứu tại chương 3.

- Đồng thời, nhờ việc phát hiện ra tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa, C Mác, ngoài việc đã giải thích được một cách khoa học vững chắc vì sao hàng hóa hai thuộc tính, còn chỉ ra được quan hệ chặt chẽ giữa người sản xuất và người tiêu dùng hàng hóa. Lao động cụ thể phản ánh tính chất tư nhân của người lao động sản xuất hàng hóa bởi việc sản xuất cái gì, ở đâu, bao nhiêu, bằng công cụ nào... là việc riêng của mỗi chủ thể sản xuất. Ngược lại, lao động trừu tượng phản ánh tính chất xã hội của lao động sản xuất hàng hóa, bởi lao động của mỗi người là một bộ phận của lao động xã hội, nằm trong hệ thống phân công lao động xã hội. Nên, người sản xuất phải đặt lao động của mình trong sự liên hệ với lao động của xã hội. Do yêu cầu của mối quan hệ này, việc sản xuất và trao đổi phải được xem là một thể thống nhất trong nền kinh tế hàng hóa. Lợi ích của

người sản xuất thống nhất với lợi ích của người tiêu dùng. Người sản xuất phải thực hiện trách nhiệm xã hội đối với người tiêu dùng, người tiêu dùng đến lượt mình lại thúc đẩy sự phát triển sản xuất. Mâu thuẫn giữa lao động cụ thể và lao động trừu tượng xuất hiện khi sản phẩm do những người sản xuất hàng hóa riêng biệt tạo ra không phù hợp với nhu cầu xã hội, hoặc khi mức tiêu hao lao động cá biệt cao hơn mức tiêu hao mà xã hội chấp nhận được. Khi đó, sẽ có một số hàng hóa không bán được hoặc bán thấp hơn mức hao phí lao động đã bỏ ra, không đủ bù đắp chi phí. Nghĩa là có một số hao phí lao động cá biệt không được xã hội thừa nhận. Đây là mầm mống của khủng hoảng thừa.

B/ Ý nghĩa của việc phát hiện đối với lý luận giá trị.

Phát hiện ra tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa tạo nên sự thành công trong việc xây dựng lý luận giá trị.

- a) Xác định được chất của giá trị là do lao động trừu tượng kết tinh, biểu hiện quan hệ xã hội và là một phạm trù lịch sử.
- b) Xác định được lượng của giá trị là lượng lao động trung bình hay thời gian lao động xã hội cần thiết.
- c) Xác định được hình thức biểu hiện của giá trị phát triển từ thấp tới cao, từ hình thức giản đơn đến hình thức mở rộng, hình thức chung và cuối cùng là hình thức tiền.
- d) Xác định được quy luật giá trị- quy luật cơ bản của sản xuất hàng hóa. Quy luật này đòi hỏi người sản xuất và trao đổi hàng hóa phải đảm bảo thời gian lao động xã hội cần thiết.

## **12. Phân tích lượng giá trị hàng hóa và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa. Ý nghĩa của nhân tố ảnh hưởng đối với năng lực cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam trên thị trường thế giới**

A/ \_ Khái niệm:

Theo quan điểm của C. Mác hàng hóa là sản phẩm của lao động, có thể thỏa mãn một nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi, mua bán. Như vậy, sản phẩm của lao động chỉ mang hình thái hàng hóa khi nhằm đưa ra trao đổi, mua bán trên thị trường. Nghĩa là, có thể có yếu tố sản phẩm của lao động song không là hàng hóa khi sản phẩm đó không được đem ra trao đổi hoặc không nhằm mục đích sản xuất để trao đổi. Hàng hóa có thể tồn tại ở dạng vật thể hoặc ở dạng phi vật thể.

\_ Phân loại hàng hóa:

\_ Lượng giá trị hàng hóa:

Cùng một loại hàng hóa được đem ra thị trường có rất nhiều người sản xuất, các hao phí tạo ra hàng hóa đó không đồng chất.

Do điều kiện sản xuất, trình độ tay nghề không giống nhau, nên thời gian lao động cá biệt để sản xuất ra hàng hoá của họ khác nhau, có người hao phí nhiều, có người hao phí ít, nên không thể lấy mức hao phí cá biệt làm cơ sở để trao đổi.

=> Vì vậy, lượng giá trị hàng hoá được tính bằng thời gian lao động xã hội cần thiết chứ không phải tính bằng thời gian lao động cá biệt.

+ Thời gian lao động xã hội cần thiết là thời gian cần thiết để sản xuất ra một hàng hóa nào đó trong điều kiện sản xuất bình thường của xã hội với trình độ kỹ thuật trung bình, mức độ thành thạo trung bình và cường độ lao động trung bình trong xã hội đó.

Thời gian lao động xã hội cần thiết = Tổng giá trị hàng hoá / Tổng sản phẩm

Thực tế, thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra một loại hàng hoá nào đó là thời gian lao động cá biệt của người sản xuất cung cấp đại bộ phận hàng hoá đó trên thị trường, nó được hình thành một cách tự phát trên thị trường và luôn thay đổi.

Ví dụ: Có 3 công ty sản xuất giày thể thao.

Công ty A: Sản xuất được 200 đôi/ ngày, Táo sản xuất 1 đôi = 3h

Công ty B: Sản xuất được 600 đôi/ ngày, Táo sản xuất 1 đôi = 4h

Công ty C: Sản xuất được 200 đôi/ ngày, Táo sản xuất 1 đôi = 5

Vậy TGLĐXHCT để SX giày =  $(200 \times 3) + (600 \times 4) + (200 \times 5) / 200 + 600 + 200 = 4h$

+ Thời gian lao động xã hội cần thiết là một đại lượng không cố định, nó phụ thuộc vào nhiều nhân tố, cụ thể là

- Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hoá:

+ Năng suất lao động:

\* KN: Là năng lực sản xuất của người lao động, được tính bằng số lượng sản phẩm sản xuất ra trong một đơn vị thời gian hoặc số lượng thời gian cần thiết để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm.

Ví dụ: 1 giờ sản xuất ra được 10 cái điện thoại.

\* Tăng năng suất lao động là tăng số lượng sản phẩm trên một đơn vị thời gian hay giảm thời gian sản xuất ra một đơn vị sản phẩm.

Ví dụ: SX điện thoại...

Để tăng NSLĐ phải thường xuyên cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ, hợp lý hóa sản xuất, nâng cao trình độ của người lao động.

\* Năng suất lao động tỷ lệ nghịch với lượng giá trị 1 đơn vị sản phẩm và không ảnh hưởng tới tổng giá trị của toàn bộ sản phẩm. Nghĩa là khi năng suất lao động tăng, làm cho giá trị trên một đơn vị sản phẩm giảm xuống nhưng tổng lượng giá trị là không đổi.

+ Cường độ lao động: Là đại lượng chỉ mức độ hao phí sức lao động trong một đơn vị thời gian nhất định, biểu hiện ở độ căng thẳng, khẩn trương, nặng nhọc của lao động trong một đơn vị thời gian sản xuất hàng hoá.

\* Tăng cường độ lao động tức là tăng mức độ căng thẳng khẩn trương của lao động, do đó sức lao động hao phí sẽ nhiều hơn trong một đơn vị thời gian.

\* Cường độ lao động không ảnh hưởng tới giá trị một đơn vị HH nhưng tỷ lệ thuận với tổng giá trị HH. Nghĩa là khi tăng cường độ lao động, thì tổng lượng giá trị tăng nhưng giá trị trên một đơn vị sản phẩm không đổi. Vì tăng cường độ lao động, đồng nghĩa với kéo dài thời gian lao động.

Ví dụ: Một xưởng sản xuất giày da ...

Như vậy: Tăng NSLĐ và tăng cường độ lao động đều làm cho số lượng sản phẩm hàng hoá được tạo ra trong một đơn vị thời gian tăng lên, nhưng ảnh hưởng của chúng đến giá trị hàng hoá là khác nhau

Tăng NSLĐ làm cho giá trị một đơn vị hàng hoá giảm xuống trong khi giá trị của tổng số hàng hoá là không đổi.

. Còn tăng cường độ lao động không làm thay đổi giá trị của một đơn vị hàng hoá nhưng làm cho giá trị của tổng số hàng hoá tăng lên tương ứng.

+ Tính chất của lao động: Lao động giản đơn hay lao động phức tạp.

\* Lao động giản đơn là lao động mà bất cứ người nào có khả năng lao động bình thường đều làm được, không cần phải huấn luyện, đào tạo.

Ví dụ: Lao động của những người gia công tại nhà,...

\* Lao động phức tạp là lao động đòi hỏi phải tốn công đào tạo, học tập, rèn luyện chuyên môn.

=> Trong cùng một đơn vị thời gian như nhau, lao động phức tạp tạo ra khối lượng giá trị hàng hoá nhiều hơn lao động giản đơn. Lao động phức tạp là bội số của lao động giản đơn.

=> Trong quá trình trao đổi hàng hoá, mọi lao động đều được quy về lao động đơn giản trung bình. Việc quy đổi này diễn ra một cách tự phát, hình thành những hệ số nhất định thể hiện trên thị trường

Đến đây ta có khái niệm đầy đủ, trọn vẹn về giá trị của hàng hoá: Giá trị của hàng hoá là lao động trừu tượng, giản đơn, xã hội cần thiết của người sản xuất hàng hoá kết tinh trong hàng hoá

B/

- năng suất lao động:

+ trình độ mức độ khéo léo

+ mức độ phát triển của khoa học kỹ thuật công nghệ về việc áp dụng thành tựu khoa học kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất

+ trình độ quản lý

+ quy mô và hiệu suất các tư liệu sản xuất

- mức độ phức tạp: chú trọng đầu tư vào những ngành lao động phức tạp đòi hỏi nhiều chất xám . do đó mức độ phức tạp của lao động mang ý nghĩa to lớn đối với khả năng cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam . muốn làm được điều này thì phải nâng cao trình độ công nhân nâng cao tay nghề và áp dụng những biện pháp tiên tiến.

### **13. Phân tích lý luận hàng hóa sức lao động. Đề xuất giải pháp để nâng cao giá cả của hàng hóa sức lao động ở nước ta hiện nay**

*A/ Đặt vấn đề:* “Việt Nam là một trong những quốc đứng đầu thế giới về quy mô xuất khẩu nông sản với nhiều loại mặt hàng như gạo, điều, cà phê, thủy sản,... Tuy nhiên, có đến 90% nông sản của Việt Nam vẫn xuất khẩu dưới dạng thô hoặc với hàm lượng chế biến còn hạn chế, chất lượng và giá trị xuất thấp hơn các sản phẩm cùng loại của nhiều nước khác”.

*Sức lao động:* C.Mác viết: “Sức lao động hay năng lực lao động là toàn bộ những năng lực thể chất và tinh thần tồn tại trong cơ thể, trong một cơ thể người đang sống và được gửi đến đem ra vận dụng mỗi khi sản xuất ra một giá trị sử dụng nào đó”.

*Hai điều kiện để sức lao động trở thành hàng hóa:*

*Một là,* người lao động được tự do về thân thể

*Hai là,* người lao động không có đủ các tư liệu sản xuất cần thiết để tự kết hợp với sức lao động của mình tạo ra hàng hóa để bán, cho nên họ phải bán sức lao động.

#### ***Nội dung***

- *Giá trị của hàng hóa sức lao động cũng do thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất và tái sản xuất sức lao động quyết định.*

Xét về cấu thành, do hàng hóa sức lao động tồn tại trong con người đang sống, nên để sống và tái sản xuất sức lao động, người lao động phải tiêu dùng lượng tư liệu sinh hoạt nhất định.

Do vậy, thời gian lao động xã hội cần thiết để tái sản xuất ra sức lao động sẽ được quy thành thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt mà người lao động tiêu dùng. Tức là, về cách tính, giá trị của hàng hóa sức lao động được đo lường gián tiếp thông qua lượng giá trị của các tư liệu sinh hoạt để tái sản xuất ra sức lao động. Cho nên, cấu thành giá trị của hàng hóa sức lao động sẽ bao gồm:



*Một là, giá trị tư liệu sinh hoạt cần thiết (cả vật chất, tinh thần) để tái sản xuất ra sức lao động;*

*Hai là, phí tổn đào tạo người lao động;*

*Ba là, giá trị những tư liệu sinh hoạt cần thiết (vật chất và tinh thần) nuôi con của người lao động.*

Nếu đúng theo nguyên tắc ngang giá trong nền kinh tế thị trường thì giá cả của hàng hóa sức lao động phải phản ánh lượng giá trị nêu trên.

*- Giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động cũng là để thỏa mãn nhu cầu của người mua.*

Khác với nhu cầu thông thường, khi sử dụng hàng hóa sức lao động, người mua hàng hóa sức lao động mong muốn thỏa mãn nhu cầu có được giá trị lớn hơn, giá trị tăng thêm.

Hàng hóa sức lao động là loại hàng hóa đặc biệt, nó mang yếu tố tinh thần và lịch sử. Hơn thế, giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động có tính năng đặc biệt mà không hàng hóa thông thường nào có được, đó là trong khi sử dụng nó, không những giá trị của nó được bảo tồn mà tạo ra được lượng giá trị lớn hơn. Đây chính là chìa khóa chỉ rõ nguồn gốc của giá trị lớn hơn nêu trên do đâu mà có.

C. Mác khẳng định, nguồn gốc của giá trị thặng dư là do hao phí sức lao động mà có.

B.

*Giải pháp nâng cao giá trị hàng hóa sức lao động thông qua giáo dục đào tạo, dạy nghề.*

Nghiên cứu lý luận của C. Mác về các nhân tố tác động đến NSLĐ có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với Việt Nam. Đây chính là các cơ sở quan trọng để đề xuất các giải pháp nhằm tăng NSLĐ của nền kinh tế vốn đang còn rất thấp hơn nhiều so với các nước phát triển trong khu vực và thế giới. Để đẩy nhanh tốc độ phát triển, nhanh chóng rút ngắn khoảng cách với các nước phát triển, dưới góc độ quản lý nhà nước về kinh tế, Nhà nước cần thực hiện tốt các giải pháp sau đây:

**Thứ nhất,** Nhà nước phải tập trung nhiều nguồn lực đầu tư cho giáo dục, đào tạo nhằm nâng cao trình độ, năng lực, kỹ năng, kỹ xảo cho người lao động, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong những năm tới, để tăng NSLĐ của nền kinh tế, thì công nghiệp hóa, hiện đại hóa cần được đẩy mạnh hơn nữa.

**Thứ hai,** Nhà nước cần tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách kích thích người dân, doanh nghiệp tích cực hiện đại hóa quá trình sản xuất, góp phần đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm tăng NSLĐ xã hội và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Để tăng NSLĐ của nền kinh tế, trước hết phải nâng cao NSLĐ của từng đơn vị sản xuất, kinh doanh. Như vậy, các chủ thể sản xuất, kinh doanh phải chủ động đẩy mạnh đổi mới, sử dụng máy móc và áp dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, hiện đại

trong quá trình sản xuất. Nhưng nói như vậy không có nghĩa là Nhà nước không đóng vai trò gì trong quá trình tăng NSLĐ của nền kinh tế. Với tư cách là chủ thể quản lý nền kinh tế,

**Ba là,** tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh cải cách hành chính, chống tham ô, tham nhũng, lãng phí. Đây là giải pháp nhằm làm cho quan hệ sản xuất phù hợp với lực lượng sản xuất, nhờ đó giải phóng sức sản xuất, tăng NSLĐ của nền kinh tế. Thực tiễn 35 năm đổi mới cho thấy, chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là lựa chọn đúng đắn của Đảng,

*Giải pháp nâng cao giá trị sử dụng hàng hóa sức lao động.*

Nhìn nhận về lý luận sức lao động của C. Mác, vận dụng vào thị trường sức lao động Việt Nam là một vấn đề quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế ở nước ta hiện nay. Từ đó, đưa ra một số giải pháp cho thị trường lao động trong nước.

**Thứ nhất:** Vận dụng lý luận hàng hóa sức lao động phải phù hợp với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và xu thế phát triển chung của nền kinh tế tri thức. Điều này đòi hỏi hệ thống giáo dục cần xây dựng và phát triển nhiều hơn nữa cả về chất lượng và số lượng, nhất là về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật, về phẩm chất đạo đức, năng lực thì mới có thể tiếp cận, hướng dẫn người lao động tiếp cận với nền kinh tế tri thức và hội nhập quốc tế.

**Thứ hai:** Vận dụng lý luận một cách phù hợp vào thực tế điều kiện, hoàn cảnh Việt Nam. Với lợi ích của người sử dụng lao động và người lao động cần phải hài hòa, cân đối. Tránh việc làm phát sinh, gây mâu thuẫn gay gắt mà phải tạo mối quan hệ gần gũi, thân thiết, thống nhất giữa người lao động và người đi thuê lao động.

**Thứ ba:** Vận dụng lý luận về hàng hóa sức lao động phải gắn liền với việc hình thành đội ngũ lao động có trình độ và cơ cấu hợp lý, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

**Thứ tư:** Thúc đẩy sự giao dịch trên thị trường lao động bằng các hình thức như phát triển hệ thống trung tâm giới thiệu việc làm, tăng cường quản lý Nhà nước, củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của các doanh nghiệp xuất khẩu lao động, phát triển hệ thống thông tin, thống kê thị trường lao động, hoàn thiện hệ thống pháp luật về thị trường lao động, hoàn thiện bộ máy quản lý và vận hành có hiệu quả thị trường lao động,...

**Thứ năm:** Bên cạnh việc nâng cao chất lượng lao động, đồng thời phải có chế độ tiền lương hợp lý, đảm bảo cho việc người lao động có thể đảm bảo cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, đáp ứng việc sản xuất và tái sản xuất sức lao động. Phục vụ cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước.

Tóm lại, sự tồn tại và phát triển của hàng hóa sức lao động và thị trường lao động là một tất yếu khách quan. Việc thừa nhận sức lao động trở thành hàng hóa giúp kích thích người lao động và người sử dụng lao động có những đóng góp tích cực hơn vào sự nghiệp phát triển chung của đất nước.

#### **14. Phân tích ưu thế và khuyết tật của nền kinh tế thị trường. Đề xuất những biện pháp để phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở địa phương**

A/ “Việt Nam là một trong những quốc gia đứng đầu thế giới về quy mô xuất khẩu nông sản với nhiều loại mặt hàng như gạo, điều, cà phê, thủy sản... Tuy nhiên, có đến 90, nông sản của Việt Nam vẫn xuất khẩu dưới dạng thô hoặc với hàm lượng chế biến còn hạn chế, chất lượng và giá trị xuất khẩu thấp hơn các sản phẩm cùng loại của nhiều nước khác

##### **1. Khái niệm**

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế vận hành theo các quy luật của thị trường, đồng thời góp phần hướng tới từng bước xác lập một xã hội mà ở đó dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, có sự điều tiết của Nhà nước do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Nền kinh tế thị trường là nền kinh tế được vận hành theo cơ chế thị trường. Đó là nền kinh tế hàng hóa phát triển cao, ở đó mọi quan hệ sản xuất và trao đổi đều được thông qua thị trường, chịu sự tác động, điều tiết của các quy luật thị trường.

##### **2. Những Ưu Thế Của Nền Kinh Tế Thị Trường**

**Một là**, nền kinh tế thị trường luôn tạo ra động lực mạnh mẽ cho sự hình thành ý tưởng mới của các chủ thể kinh tế.

Thông qua vai trò của thị trường mà nền kinh tế thị trường trở thành phương thức hữu hiệu kích thích sự sáng tạo trong hoạt động của các chủ thể kinh tế, tạo hoạt động thuận lợi cho hoạt động tự do của họ, qua đó, thúc tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả sản xuất, làm cho nền kinh tế hoạt động năng động hiệu quả. Tạo ra môi trường rộng mở cho các mô hình kinh doanh mới theo đà phát triển xã hội

**Ví dụ:** Trong mùa dịch COVID người dân có nhu cầu lớn về khẩu trang và nước rửa tay, điều này đã tạo động lực, thúc đẩy cho các nhà kinh tế sản xuất ra lượng lớn khẩu trang nước rửa tay phục vụ nhu cầu con người.

**Hai là**, nền kinh tế thị trường luôn thực hiện phát huy tốt nhất tiềm năng của một chủ thể, các vùng miền cũng như lợi thế quốc gia trong quan hệ với thế giới.

Trong nền kinh tế thị trường, mọi tiềm năng, lợi thế đều có thể được phát huy, đều có thể trở thành lợi ích đóng góp cho xã hội. Thông qua vai trò gắn kết của thị trường mà nền kinh tế thị trường trở

thành phương thức hiệu quả hơn hẳn so với nền kinh tế tự cấp tự túc để phát huy tiềm năng, lợi thế từng thành viên, từng vùng miền trong quốc gia của từng quốc gia trong quan hệ với thế giới.

**Ví dụ:** Việt Nam là một nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới. Ở VN có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển sản xuất lúa như khí hậu, đất đai, truyền thống lâu đời... Cùng với đó là sự hội nhập quốc tế tăng cường hợp tác với các nước trong khu vực và trên thế giới đã thúc đẩy mạnh mẽ nền kinh tế trao đổi hàng hóa giúp lúa gạo VN không chỉ tiêu thụ trong nước mà còn xuất khẩu ra các nước trên thế giới.

**Ba là,** nền kinh tế thị trường luôn tạo ra các phương thức để thỏa mãn tốt nhất nhu cầu con người, từ đó thúc đẩy tiến bộ, văn minh xã hội. Nền kinh tế thị trường với sự tác động của các quy luật thị trường luôn tạo ra sự phù hợp giữa khối lượng, cơ cấu sản xuất với khối lượng, cơ cấu nhu cầu tiêu dùng của xã hội. Nhờ đó nhu cầu tiêu dùng về các hàng hóa, dịch vụ khác nhau được đáp ứng kịp thời, người tiêu dùng được thỏa mãn nhu cầu cũng như được đáp ứng đầy đủ mọi loại hàng hóa, dịch vụ.

Ví dụ: Trước đây ở VN các sản phẩm (gạo, đường, xi măng...) luôn phải được nhập khẩu thì nay sản xuất nội địa đã đảm bảo nhu cầu trong nước và khả năng xuất khẩu. quan hệ cung cầu hàng hóa trên thị trường chuyển từ thiếu hụt sang dư thừa. Và khi nhu cầu con người ngày càng cao thì các nhà sản xuất đòi hỏi phải luôn tạo ra ý tưởng mới độc đáo, sáng tạo, chất lượng cao, giá thành hợp lý nhằm đem đến các lợi ích tốt nhất cho cả người tiêu dùng và nhà sản xuất hàng hóa.

Khuyết tật:

- + Một là, xét trên phạm vi toàn bộ nền sản xuất xã hội, nền kinh tế thị trường luôn tiềm ẩn những rủi ro khủng hoảng.
- + Hai là, nền kinh tế thị trường không thể khắc phục được xu hướng cạn kiệt tài nguyên không thể tái tạo, suy thoái môi trường tự nhiên, môi trường xã hội
- + Ba là, nền kinh tế thị trường không tự khắc phục được hiện tượng phân hóa sâu sắc trong xã hội.

B: những biện pháp

Một là, tập trung rà soát, sửa đổi những quy định chồng chéo, mâu thuẫn, chưa hợp lý trong hệ thống luật pháp, các thủ tục hành chính gây phiền hà cho doanh nghiệp và người dân, gây phân biệt đối xử giữa doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, tạo nên những rào cản cản trở sự phát triển đất nước.

Hai là, hoàn thiện thể chế về huy động, phân bổ các nguồn lực, về quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên, nguồn vốn đầu tư của Nhà nước để việc phân bổ các nguồn lực của Nhà nước được thực hiện theo cơ chế thị trường, thông qua đấu thầu công khai, minh bạch, có sự tham gia của doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.

Ba là, hoàn thiện thể chế phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường, các loại thị trường. Thực hiện nhất quán cơ chế giá trị thị trường với các hàng hóa, dịch vụ, kể cả giá các dịch vụ công cơ bản, thu hẹp giá do nhà nước quyết định.

Bốn là, giải quyết hài hòa mối quan hệ Nhà nước, thị trường và xã hội trong phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Năm là, tiếp tục hoàn thiện thể chế, thúc đẩy phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp nhà nước nhiệm vụ trọng tâm là đẩy nhanh việc xử lý nợ xấu, thoái vốn, cổ phần hóa cơ cấu lại doanh nghiệp, thúc đẩy đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ và áp dụng chế độ quản trị doanh nghiệp hiện đại.

Sáu là, xây dựng, cụ thể hóa hệ tiêu chí xác định những đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam với các nội dung:....

### **15. Nội dung và tác dụng của quy luật giá trị trong nền sản xuất hàng hóa. Liên hệ với thực tiễn phát triển nền kinh tế hàng hóa ở nước ta hiện nay**

#### **a) Nội dung quy luật**

##### **- Vị trí của quy luật**

Quy luật giá trị là quy luật kinh tế cơ bản của sản xuất và trao đổi hàng hoá, là yêu cầu khách quan trong sản xuất hàng hoá, ở đâu có sản xuất và trao đổi hàng hoá thì ở đó quy luật giá trị phát sinh và phát huy tác dụng.

- Nội dung quy luật giá trị: Sản xuất và trao đổi hàng hoá phải dựa trên cơ sở hao phí lao động xã hội cần thiết và trao đổi phải theo nguyên tắc ngang giá.

##### **- Nội dung quy luật nói lên:**

+ Mọi người sản xuất hàng hóa phải được thực hiện theo hao phí lao động xã hội cần thiết. (Giải thích).

+ Trong trao đổi phải theo nguyên tắc ngang giá, nghĩa là giá cả phải trên cơ sở giá trị, một lượng giá trị bằng nhau thì có thể trao đổi được cho nhau. Đó chính là yêu cầu của giá trị

##### **Tác dụng của quy luật**

- Tự phát điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hoá.

+ Điều tiết sản xuất là sự dịch chuyển TLSX và SLD từ ngành này sang ngành khác, làm cho quy mô sản xuất của ngành này bị thu hẹp, ngành khác được mở rộng. Quá trình đó diễn ra một cách tự phát dưới tác động của quy luật giá trị như sau:

\* Nếu một mặt hàng nào đó có cung < cầu -> giá bán > giá trị, người sản xuất thu lãi nhiều, người sản xuất sẽ mở rộng quy mô sản xuất, mặt khác, những người sản xuất ở ngành khác thấy có lợi sẽ dịch chuyển đầu tư sang sản xuất ở ngành đó.

\* Cung > cầu, sản phẩm tạo ra quá nhiều-> giá bán < giá trị, sản xuất không có lãi, buộc người SX phải ngừng hoặc giảm sản xuất.

\* Cung cầu tạp thời cân bằng, giá cả = giá trị. Trên mặt kinh tế người ta gọi là “bão hoà”.=> Sự tác động trên của quy luật giá trị tự phát dẫn đến sự di chuyển SLĐ và TLSX vào sản xuất những mặt hàng có lãi.

+ Điều tiết lưu thông là sự dịch chuyển hàng hoá từ nơi này đến nơi khác (từ nơi có giá bán thấp đến nơi có giá bán hơn cao, từ nơi dư thừa đến nơi khan hiếm).

=> Như vậy, quy luật giá trị đã có tác động tự phát điều tiết sản xuất và lưu thông, làm cân bằng mức cung - cầu hàng hoá và ổn định giá cả thị trường.

- Kích thích cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ, hợp lý hóa sản xuất làm tăng NSLĐ.

+ HH được sản xuất ra trong những điều kiện khác nhau thì có giá trị cá biệt khác nhau, trong khi trao đổi HH lại luôn dựa trên giá trị xã hội của HH

+ Để giành ưu thế trong cạnh tranh và thu được nhiều lợi nhuận... chỉ có cách cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ, hợp lý hóa sản xuất, tăng NSLĐ.

+ Việc làm này lúc đầu diễn ra ở một số cơ sở sản xuất sau toàn XH nhưng sau đó lan rộng ra toàn xã hội.

- Phân hóa giàu – nghèo giữa những người sản xuất, làm tự phát nảy sinh quan hệ sản xuất TBCN.

+ Do điều kiện sản xuất khác nhau, trình độ tay nghề khác nhau, trình độ tổ chức sản xuất khác nhau, ... dẫn tới giá trị cá biệt của hàng hoá do các chủ thể khác nhau tạo ra là khác nhau, có thể thấp hơn hay cao hơn giá trị xã hội của hàng hoá đó.

+ Kết quả là luôn có một bộ phận người SX làm ăn có lãi, ngày càng giàu lên; trái lại, một bộ phận người sản xuất làm ăn thua lỗ...

+ Người bị mất TLSX chỉ còn cách đi làm thuê để duy trì cuộc sống, trong khi người làm ăn có lãi lại có nhu cầu mở rộng sản xuất để thu lợi nhiều hơn nữa, họ sẵn sàng mua thêm TLSX và thuê người khác làm việc cho mình. Đây chính là quan hệ sản xuất TBCN.

=> Như vậy, QHSX TBCN đã ra đời một cách tự phát trong quá trình vận động và phát triển của SXHH giản đơn, dưới tác động của quy luật giá trị. Tuy nhiên quá trình này diễn ra rất chậm chạp. Thực tiễn trong lịch sử, QHSX TBCN đã ra đời nhanh chóng ở Tây Âu và Nhật Bản nhờ quá trình tích lũy nguyên thủy tư bản. Đây là quá trình g/c thống trị sử dụng bạo lực để tước đoạt TLSX của những người sản xuất nhỏ và biến họ thành những người làm thuê.

B/ Liên hệ với thực tiễn phát triển nền kinh tế hàng hóa ở nước ta hiện nay

Tại Việt Nam hiện nay hàng giả hàng nhái ngày càng tăng và len lỏi vào khắp các nơi tiêu thụ một cách công khai. Liên hệ quy luật giá trị với thực tiễn phát triển nền kinh tế hàng hóa ở nước ta hiện nay. Đối với mỗi quốc gia hiện nay thì sản xuất hàng hóa luôn luôn giữ vai trò quan trọng, đây là một trong những hoạt động có ý nghĩa quyết định đến sự phát triển của mỗi quốc gia. Sản xuất hàng hóa thúc đẩy sự phát triển của phân công lao động, phát triển chuyên môn hóa, tạo điều kiện

so sánh của mỗi vùng mỗi đơn vị sản xuất cải tiến kỹ thuật nâng cao trình độ sản xuất mở rộng phạm vi sản xuất thúc đẩy sx phát triển

Sxhh còn làm cho quá trình giao lưu kinh tế giữa các địa phương vùng miền các nước ngày càng phát triển đời sống vật chất tinh thần được nâng cao...

## **16. Phân tích tư bản bất biến và tư bản khả biến trong quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa. Ý nghĩa**

A. theo C. Mac: Bản chất của tư bản là giá trị đem lại giá trị thặng dư, nó phản ánh quan hệ sản xuất xã hội mà trong đó giai cấp tư sản chiếm đoạt giá trị thặng dư do giai cấp công nhân tạo ra.

Tư bản bất biến là bộ phận tư bản tồn tại dưới hình thái tư liệu sản xuất mà giá trị được lao động cụ thể của công nhân làm thuê bảo tồn và chuyển nguyên vẹn vào giá trị sản phẩm, tức là giá trị không biến đổi trong quá trình sản xuất (ký hiệu là  $c$ ). Tư bản bất biến không tạo ra giá trị thặng dư nhưng là điều kiện cần thiết để cho quá trình tạo ra giá trị thặng dư được diễn ra. Máy móc, nguyên nhiên vật liệu là điều kiện để cho quá trình làm tăng giá trị được diễn ra. Không có máy móc, không có quá trình tổ chức kinh doanh thì đương nhiên không có quá trình sản xuất giá trị thặng dư. Ngày nay máy móc được tự động hóa như người máy, thì người máy cũng chỉ có vai trò là máy móc, chừng nào việc sử dụng sức lao động còn có lợi hơn cho người mua hàng hóa sức lao động so với sử dụng người máy, thì chúng đó nhà tư bản còn sử dụng sức lao động sống của người bán sức lao động làm thuê. Tuy nhiên, cần lưu ý, việc ứng dụng thiết bị công nghệ tiên tiến vào trong sản xuất là tiền đề để tăng năng suất lao động xã hội, do đó, máy móc, công nghệ tiên tiến rất cần thiết cho quá trình làm tăng giá trị.

Tư bản khả biến là bộ phận tư bản tồn tại dưới hình thái sức lao động không tái hiện ra, nhưng thông qua lao động trừu tượng của công nhân mà tăng lên, tức biến đổi về số lượng trong quá trình sản xuất (ký hiệu là  $v$ ).

Bộ phận tư bản biến thành sức lao động thì khác. Giá trị của nó được chuyển cho công nhân làm thuê, biến thành tư liệu sinh hoạt cần thiết và mất đi trong quá trình sản xuất sức lao động của công nhân làm thuê. Tuy nhiên, trong quá trình sản xuất, công nhân làm thuê bằng lao động trừu tượng tạo ra giá trị mới với lượng lớn hơn giá trị sức lao động. Như vậy, đến đây, nếu gọi  $G$  là giá trị hàng hóa thì có thể công thức hóa về giá trị hàng hóa thì có thể công thức hóa về giá trị hàng hóa dưới dạng như sau:  $G = c + (v+m)$

Trong đó:  $(v+m)$  là giá trị mới của hàng hóa, do hao phí lao động sống tạo ra;  $c$  là giá

trị của những tư liệu sản xuất đã được tiêu dùng, là bộ phận lao động quá khứ đã được kết tinh trong máy móc, nguyên nhiên vật liệu. Bộ phận này được lao động sống chuyển vào giá trị sản phẩm mới. Thông qua việc bán hàng hóa sức lao động, người lao động được trả tiền công

B/ý nghĩa:



- Việc phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến vạch rõ nguồn gốc của giá trị thặng dư là do lao động làm thuê của công nhân tạo ra và bị nhà tư bản chiếm không.
- Hiện nay, giai cấp tư sản sử dụng máy móc hiện đại tự động hóa quá trình sản xuất đối với một số sản phẩm. Trong điều kiện sản xuất như vậy, tư bản bất biến có vai trò quan trọng quyết định việc tăng năng suất lao động, nhưng cũng không thể coi đó là nguồn gốc của giá trị thặng dư. Suy đến cùng, bộ phận tư bản khả biến tồn tại dưới hình thức sức lao động (chân tay và trí óc) mới là nguồn gốc sinh ra giá trị thặng dư TBCN.

### **17. Phân tích vai trò tích cực và những giới hạn phát triển của chủ nghĩa tư bản để làm rõ nhận định trên. Anh chị hiểu như nào về con đường đi lên của nước ta là quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa**

**\*Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản**

Trong quá trình phát triển, chủ nghĩa tư bản có nhiều mặt tích cực đối với sự phát triển sản xuất xã hội. Đó Là :

- Thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển nhanh chóng.

Quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản đã làm cho lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ về trình độ kỹ thuật bậc và công nghệ ngày càng cao: chuyển từ kỹ thuật lao động thủ công lên kỹ thuật cơ khí, ý sang tự động hóa, tin học hóa, ra....Cùng với sự phát triển của kỹ thuật và công nghệ là quá trình giải phóng sức lao động, nâng cao hiệu quả khám phá và chinh phục tự nhiên của con người. chủ nghĩa tư bản có công lớn trong phát triển các cuộc cách mạng công nghiệp và hiện nay là cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 xuất hiện vào đầu thế kỷ XXI , chuyển nền kinh tế của nhân loại bước vào một thời đại mới- thời đại của kinh tế tri thức.

- Chuyển nền sản xuất nhỏ thành nền sản xuất lớn hiện đại

Sự ra đời của chủ nghĩa tư bản đã đoạn tuyệt với nền kinh tế tự nhiên, chuyển kinh tế hàng hóa đơn giản in lên kinh tế hàng hóa tư bản chủ nghĩa phát triển, chuyển nền sản xuất nhỏ thành nền sản xuất tập trung quy mô lớn, hiện đại, đại lý năng suất cao. Dưới tác động của quy luật giá trị thặng dư và các quy luật của nền kinh tế thị trường, chủ nghĩa tư bản đã kích thích cải tiến kỹ thuật ,Tăng năng suất lao động,

Tạo ra khối lượng sản phẩm hàng hóa khổng lồ lớn hơn nhiều so với các xã hội trước cộng lại.

- Thực hiện xã hội hóa sản xuất.

Chủ nghĩa tư bản đã thúc đẩy nền sản xuất hàng hóa phát triển mạnh và đạt tới mức điển hình nhất trong lịch sử, cùng với nó là quá trình xã hội hóa sản xuất cả về chiều rộng và chiều sâu. Đó là sự phát triển của phân công lao động xã hội; sản xuất tập trung với quy mô lớn, hợp lý; chuyên môn hóa sản xuất và hợp tác lao động sâu sắc; mối liên hệ kinh tế giữa các đơn vị, các ngành, các lĩnh vực, giữa các quốc gia ngày càng chặt chẽ ... làm cho các quá trình sản xuất phân tán được liên kết với nhau và phụ thuộc lẫn nhau thành một hệ thống ,một quá trình sản xuất xã hội thống nhất. Đây

cũng là một một trong những điều kiện kinh tế thuận lợi thúc đẩy Khi nền sản xuất xã hội phát triển càng cao hơn.

\*Những giới hạn phát triển của chủ nghĩa tư bản.

Bên cạnh những mặt tích cực trên, trong quá trình phát triển chủ nghĩa tư bản cũng bộc lộ không ít những hạn chế mang tính lịch sử.

-Mục đích của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa trước hết tập trung chủ yếu về đất của thiểu số giai cấp tư sản, in không phải vì lợi ích của đại đa số quần chúng nhân dân lao động một cách tự giác.

Mục đích của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa không phải vì lợi ích của đông đảo quần chúng nhân dân lao động, ảnh mà chủ yếu là vì lợi ích thiểu số giai cấp tư sản, của bọn tư bản độc quyền, nhất là tư bản tài chính. Mục đích này không phù hợp với thời đại phát triển của cách mạng công nghiệp hiện đại, không phù hợp với yêu cầu của trình độ xã hội hóa cao của lực lượng sản xuất với quy luật phát triển của xã hội loài người. Đó là do cơ sở kinh tế thể của chủ nghĩa tư bản là dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản lao động không có hoặc về cơ bản không có tư liệu sản xuất, họ phải bán sức lao động cho các nhà tư bản và bị bóc lột giá trị thặng dư. Trong chủ nghĩa tư bản hiện đại, tại tư liệu sản xuất vẫn tập trung trong tay các nhà tư bản, bản đặc biệt là nằm trong tay các tập đoàn tư bản độc quyền, do đó họ là người chi phối việc phân phối sản phẩm xã hội sản xuất ra vì lợi ích của thiểu số giai cấp tư sản, của một nhóm nhỏ tư bản độc quyền. Vì mục đích lợi nhuận độc quyền cao, các tập đoàn độc quyền không giảm giá cả hàng hóa sản xuất ra, mà họ luôn áp đặt giá bán cao và giá mua thấp, hạn chế sản lượng hàng hóa; các hoạt động nghiên cứu, phát minh, sáng chế chỉ được thực hiện khi vị thế độc quyền của họ được đảm bảo, không có nguy cơ bị lung lay .

- Chủ nghĩa tư bản là một trong những nguyên nhân châm ngòi của hầu hết các cuộc chiến tranh trên thế giới.

Vì sự tồn tại, phát triển, các cường quốc tư bản ra sức chiếm lĩnh thuộc địa, chiếm lĩnh thị trường, các cường quốc tư bản đã tiến hành phân chia lãnh thổ, thị trường thế giới. Nhưng do sự phân chia lãnh thổ và thị trường thế giới dựa vào sức mạnh của các cường quốc tư bản, hơn nữa do sự phát triển không đều về kinh tế và chính trị của các cường quốc tư bản, tất yếu dẫn đến cuộc đấu tranh đòi phân chia lại thị trường thế giới sau khi đã chia xong. Đó chính là nguyên nhân chính dẫn đến hai cuộc đấu tranh thế giới lần thứ nhất (1914-1918) và lần thứ hai (1939-1945) cùng với hàng trăm các cuộc chiến tranh khác trên thế giới và là nguyên nhân của các cuộc chạy đua vũ trang, chiến tranh lạnh đã kéo tụt lùi kinh tế thế giới hàng chục năm

- Sự phân hoá giàu nghèo ở chính ngay trong lòng các nước tư bản và có xu hướng ngày càng sâu sắc.

Sự phân hoá, chênh lệch giàu nghèo trong các nước tư bản đã tồn tại ngay từ khi chủ nghĩa tư bản ra đời bằng quá trình tích lũy nguyên thủy của tư bản – giai cấp tư sản dùng “bạo lực” để tước đoạt

những người sản xuất nhỏ, đặc biệt là những người nông dân cá thể. Chủ nghĩa tư bản càng phát triển, tích lũy, tích tụ và tập trung tư bản càng cao, giá trị thặng dư mà các tập đoàn tư bản độc quyền thu được càng lớn, làm cho thu nhập của giai cấp công nhân ngày càng giảm tương đối, còn thu nhập của giai cấp tư sản thì ngược lại.

Ý nghĩa:

Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa.

Tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại.

## **18. Phân tích đặc trưng nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa việt nam. Liên hệ thực tiễn**

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế vận hành theo các quy luật của thị trường, đồng thời góp phần hướng tới từng bước xác lập một xã hội mà ở đó dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, có sự điều tiết của Nhà nước do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo

- Về mục tiêu: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là phương thức để phát triển lực lượng sản xuất nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”

Ví dụ: Với nền kinh tế thị trường tư bản ở Mỹ, họ sẽ tập trung đầu tư các thành phố lớn, phát triển thành phố đó, còn nước ta thì lại đầu tư ở các tỉnh nông thôn chưa phát triển để quá trình đô thị hoá tiến đến phát triển các tỉnh ở nông thôn, cân bằng để phát triển cả nước.

- Về quan hệ sở hữu và thành phần kinh tế: Nền kinh tế có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng, kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể cùng với kinh tế tư nhân là nòng cốt để phát triển một nền kinh tế độc lập tự chủ

Ví dụ: Hiện nay có những tác giả đã có cách nhìn cực đoan về sở hữu ở các nước: họ cho rằng ở các nước phương Tây-TBCN, dựa vào sở hữu tư nhân, ở nước ta dựa vào chế độ công hữu và cho rằng nền kinh tế ở nước ta không phải là nền kinh tế thị trường.

- Về quan hệ quản lý nền kinh tế: Nhà nước quản lý và thực hành cơ chế quản lý là nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản làm chủ.

Ví dụ: Hoạt động đầu tư xây dựng và khai thác các công trình hạ tầng giao thông, thủy lợi ở nông thôn, đầu tư cải tạo một vùng đất hoang.

- Về quan hệ phân phối: Thực hiện phân phối công bằng các yếu tố sản xuất, tiếp cận và sử dụng các cơ hội và điều kiện phát triển của mọi chủ thể kinh tế ( phân phối đầu vào ) đồng thời phân phối kết quả làm ra ( đầu ra ) chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua hệ thống an ninh, xã hội.

Ví dụ: Trong trường hợp nhà nước quy định mức thuế quá cao. Phân phối là một mặt của quan hệ sản xuất do quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất quyết định.

- Về quan hệ giữa gắn tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội: Đây là đặc trưng phản ánh thuộc tính quan trọng mang tính định hướng XHCN nền kinh tế thị trường ở Việt Nam. Bởi tiến bộ và công bằng xã hội vừa là điều kiện bảo đảm cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế, vừa là mục tiêu thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ XHCN mà chúng ta phải hiện thực hoá từng bước trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Ví dụ: Hiện nay, so với 177 quốc gia và vùng kinh tế trên thế giới, tuy GDP/ đầu người của Việt Nam xếp thứ 122, nhưng các chỉ số xã hội quan trọng đều ở vị trí khá cao: HDI thứ 105, tuổi thọ thứ 56, trình độ học vấn thứ 57.

Kết luận: Như vậy, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là sự kết hợp những mặt tích cực, ưu điểm của kinh tế thị trường với bản chất ưu việt của chủ nghĩa xã hội để hướng tới một nền kinh tế thị trường hiện đại, văn minh. Tuy nhiên, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đang trong quá trình hình thành và phát triển tất sẽ còn bộc lộ nhiều yếu kém cần phải khắc phục và hoàn thiện.

## **19. Phân tích tính tất yếu của công nghiệp hóa hiện đại hóa ở Việt Nam. Liên hệ những thành tựu trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta hiện nay**

A. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế - xã hội, từ sử dụng sức lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động với công nghệ, phương tiện, phương pháp tiên tiến hiện đại, dựa trên sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ khoa học công nghệ, nhằm tạo ra năng suất lao động xã hội cao

Lý do khách quan Việt Nam phải thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa bao gồm:

Một là, lý luận và thực tiễn cho thấy, công nghiệp hóa là quy luật phổ biến của sự phát triển lực lượng sản xuất xã hội mà mọi quốc gia đều trải qua dù ở các quốc gia phát triển sớm hay các quốc gia đi sau.

Công nghiệp hóa là quá trình tạo ra động lực mạnh mẽ cho nền kinh tế, là đòn bẩy quan trọng tạo sự phát triển đột biến trong các lĩnh vực hoạt động của con người. Thông qua công nghiệp hóa các ngành, các lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân được trang bị những tư liệu sản xuất, kỹ thuật công nghệ ngày càng hiện đại, từ đó nâng cao năng suất lao động, tạo ra nhiều của cải vật chất, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của con người.

Hai là, đối với các nước có nền kinh tế kém phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội như nước ta, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội phải thực hiện từ đầu thông qua công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Mỗi bước tiến của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một bước tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất và góp phần hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, trên cơ sở đó từng bước nâng dần trình độ văn minh của xã hội.

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam có những đặc điểm chủ yếu sau đây:

- Công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".
- Công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức.
- Công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng
- Công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong bối cảnh toàn cầu hoá kinh tế và Việt Nam đang tích cực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam, trước hết là nhằm xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho nền kinh tế dựa trên những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại. Mỗi bước tiến của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là một bước tăng cường cơ sở vật chất – kỹ thuật của CNXH, đồng thời củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất XHCN, làm cho nền sản xuất xã hội không ngừng phát triển, đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần của người dân không ngừng được nâng cao.

Công nghiệp hóa, hiện đại hoá để phát triển lực lượng sản xuất, nhằm khai thác, phát huy và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước, nâng cao dần tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế. Đồng thời, thúc đẩy sự liên kết, hợp tác giữa các ngành, các vùng trong nước và mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế, tham gia vào quá trình phân công lao động và hợp tác quốc tế ngày càng hiệu quả

Quá trình thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá làm cho khối liên minh công nhân, nông dân và trí thức ngày càng được tăng cường, củng cố, đồng thời nâng cao vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa được thực hiện cũng sẽ tăng cường tiềm lực cho an ninh, quốc phòng, góp phần nâng cao sức mạnh của an ninh, quốc phòng. đồng thời tạo điều kiện vật chất và tinh thần để xây dựng nền văn hoá mới và con người mới XHCN.

Như vậy, có thể nói công nghiệp hóa, hiện đại hoá là nhân tố quyết định sự thắng lợi của con đường đi lên CNXH mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn. Vì vậy, công nghiệp hóa, hiện đại hóa được Đảng và Nhà nước ta xác định là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ lên CNXH

#### B/ - Trong lĩnh vực nông nghiệp

Việc áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật là chìa khóa nâng cao năng suất lao động và đa dạng hóa kinh tế nông nghiệp.

Ứng dụng công nghệ 4.0 trong đổi mới quy trình diễn hình là việc ứng dụng điện toán đám mây nhằm cung cấp sản phẩm đầu ra chất lượng cao và an toàn vệ sinh thực phẩm. Và ứng dụng công nghệ thông tin vào nông nghiệp làm tăng năng suất sản lượng đáng kể so với cách trồng nông nghiệp kiểu cũ. Điện toán đám mây mang lại nhiều lợi ích to lớn như sự chuẩn hóa sản phẩm và dịch vụ, giảm thiểu chi phí đầu tư, rút ngắn thời gian phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ và linh hoạt trong mô hình kinh doanh, sẵn sàng mở rộng khi cần thiết. Ứng dụng công nghệ 4.0 trong đổi mới kỹ thuật nông nghiệp, ví dụ: sự phát triển của công nghệ sinh học cho phép chọn, tạo ra những giống cây trồng, vật nuôi mới phù hợp với mục đích sử dụng. Điều này tác động mạnh mẽ đến năng suất cũng như chất lượng cây trồng vật nuôi, từ đó tăng giá trị gia tăng trong mỗi sản phẩm nông nghiệp.

Ngoài ra các hoạt động tiếp cận nông nghiệp 4.0 khác rất đáng khích lệ như ứng dụng công nghệ tự động, bán tự động trong sản xuất lúa, ngô, rau quả, bò sữa, lợn giống, thủy sản. Đổi mới sáng tạo trong nông nghiệp Việt không chỉ dừng ở việc học hỏi từ công nghệ, kỹ thuật quốc tế mà còn là sự tìm tòi, sáng tạo của người nông dân Việt

#### - Trong lĩnh vực sản xuất

Việc ứng dụng những tiến bộ công nghệ có tiềm năng dịch chuyển người lao động sang những công việc yêu cầu tay nghề cao hơn mang lại năng suất cao hơn.

Theo báo cáo của ILO “ASEAN in transformation: How technology is

changing jobs and enterprises transformation” (tạm dịch: ASEAN trong quá trình chuyển đổi: Công nghệ đang thay đổi việc làm và các doanh nghiệp như thế nào) chỉ ra rằng phần lớn việc làm trong lĩnh vực sản xuất, đặc biệt là dệt may, quần áo và giày dép và ngành điện tử và các thiết bị ngành điện sẽ bị tác động bởi cách mạng công nghiệp 4.0. Mặc dù công nghệ cao chưa hoàn toàn thâm nhập vào các ngành công nghiệp, cũng đã có những dấu hiệu cho thấy sự xuất hiện của công nghệ cao trong một số ngành. Thương mại, đầu tư trực tiếp nước ngoài và các công nghệ hỗ trợ đều đóng góp vào tăng trưởng năng suất. Trong những ngành công nghiệp đó, những thay đổi đáng kể trong trung hạn đến dài hạn thường xảy ra do có sự đột phá về công nghệ, ví dụ như công nghiệp in 3D, robot công nghiệp, internet vạn vật, thiết kế đồ họa trên máy tính và máy soi chiếu cơ thể v.v. Theo đó, khả năng các lĩnh vực như kỹ sư, vận tải và hạ tầng sẽ có nhu cầu việc làm tăng lên

- Trong lĩnh vực dịch vụ Cách mạng số có tiềm năng chuyển dịch người lao động sang làm những công việc lấy khách hàng làm trung tâm. Sự tiến bộ của công nghệ cũng dẫn đến sự ra đời của “nền kinh tế tạm thời” trong đó một số lượng lớn các công việc hoạt động trên các nền tảng trực tuyến đã ra đời (Uber, Grab, thương mại điện tử). Cuối cùng thì, việc ứng dụng cải tiến công

nghệ mới có thể cải thiện an toàn tại nơi làm việc, tăng năng suất, tiền lương và thúc đẩy nhiều loại nhu cầu, cùng với gia tăng dự kiến về luồng FDI và việc tiếp cận dễ dàng hơn với các thị trường xuất khẩu lớn bắt nguồn từ các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA), đặc biệt là Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Thương mại tự do EU-Việt Nam khi các hiệp định này được phê chuẩn. Năng suất và điều kiện làm việc được cải thiện có thể dẫn đến

giảm giờ làm và tạo ra nhiều dịch vụ và sản phẩm giải trí hơn.

## **20. Vai trò của cách mạng công nghiệp đối với phát triển xã hội cần làm gì để xây dựng và phát triển đất nước**

### **A 1. Khái niệm**

Cách mạng công nghiệp là những bước phát triển nhảy vọt về chất trình độ của tư liệu lao động trên cơ sở những phát minh đột phá về kỹ thuật và công nghiệp trong quá trình phát triển của nhân loại kéo theo sự thay đổi căn bản về phân công lao động cũng như tạo bước phát triển năng suất lao động cao hơn hẳn nhờ áp dụng một cách phổ biến những tính năng mới trong kỹ thuật công nghệ đó vào đời sống xã hội

### **2. Vai trò của cách mạng công nghiệp:**

- Một là thúc đẩy sự phát triển lực lượng sản xuất

+ Cách mạng công nghiệp có vai trò to lớn trong phát triển nguồn nhân lực, nó vừa đặt ra những đòi hỏi về chất lượng, nguồn nhân lực ngày càng cao nhưng vật khác lại tạo điều kiện để phát triển nguồn nhân lực.

+ Cách mạng công nghiệp tạo cơ hội cho các nước phát triển nhiều ngành kinh tế và những ngành mới thông qua mở rộng ứng dụng những thành tựu về công nghệ thông tin, công nghệ số, công nghệ sinh học,... thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế mới theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế.

- Hai là thúc đẩy hoàn thiện quan hệ sản xuất:

+ Cách mạng công nghiệp tạo sự phát triển nhảy vọt về chất trong lực lượng sản xuất và sự phát triển này tất yếu dẫn đến quá trình điều chỉnh, phát triển và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội và quản trị phát triển.

+ Cuộc cách mạng lần hai đẩy nhanh quá trình xã hội hóa sản xuất, thúc đẩy chủ nghĩa tư bản chuyển biến từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền, làm tăng mâu thuẫn chủ nghĩa tư bản trong giai đoạn này.



- Ba là thúc đẩy mới phương thức quản trị phát triển:
- + Cách mạng công nghiệp lần ba làm cho sản xuất xã hội có những bước tiến nhảy vọt.
- + Cách mạng công nghiệp lần thứ tư không chỉ là sự phát triển của công nghệ cao có khả năng kết hợp và tạo ra một mạng lưới trao đổi thông tin giữa tất cả mọi vật. Mà nó còn tạo điều kiện cho nhiều lĩnh vực phát triển như: gen, công nghệ nano, năng lượng tái tạo, máy tính lượng tử,... đưa kinh tế thế giới bước vào giai đoạn tăng trưởng.

### 3. Sinh viên cần làm để xây dựng và phát triển đất nước trong bối cảnh 4.0

- Khả năng ứng dụng những tiến bộ của khoa học công nghệ vào thực tiễn.
- Ngoại ngữ tốt - mở rộng cơ hội nghề nghiệp
- Kỹ năng mềm thành thạo - lợi thế hòa nhập với môi trường làm việc
- Trao đổi kinh nghiệm làm việc thực tế - bí quyết gây ấn tượng với nhà tuyển dụng